



**CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
**TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

Địa chỉ: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh

ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 - Fax: 0274.3883522

Website: [www.biwase.com.vn](http://www.biwase.com.vn)

Email: [ptnctnmtbd@gmail.com](mailto:ptnctnmtbd@gmail.com).



**KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH HÀNG NGÀY**  
**TẠI CÁC CHI NHÁNH**

| Ngày       | Tên Chi nhánh                      |         | Thông số    |             |             |
|------------|------------------------------------|---------|-------------|-------------|-------------|
|            |                                    |         | pH          | Độ đục      | Clo dư      |
| 17/08/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 6,88 – 6,87 | 0,18 – 0,19 | 0,58        |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 6,95 – 6,96 | 0,23        | 0,36 – 0,45 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,23 – 7,36 | 0,21 – 0,35 | 0,57 – 0,69 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,10 – 7,21 | 0,20        | 0,81 – 0,89 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 7,04 – 7,13 | 0,36 – 0,40 | 0,40 – 0,50 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,46 – 7,49 | 0,26 – 0,29 | 0,35 – 0,38 |
| 18/08/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 6,87 – 6,88 | 0,18 – 0,19 | 0,58 – 0,59 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 6,90 – 6,96 | 0,23        | 0,36 – 0,60 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,17 – 7,28 | 0,18 – 0,36 | 0,60 – 0,75 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,14 – 7,20 | 0,20        | 0,72 – 0,85 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 7,06 – 7,11 | 0,20 – 0,38 | 0,04 – 0,59 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,46 – 7,49 | 0,26 – 0,27 | 0,34 – 0,40 |
| 19/08/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 7,01 – 7,07 | 0,19        | 0,28 – 0,31 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 6,90 – 6,94 | 0,23 – 0,25 | 0,46 – 0,60 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,24 – 7,39 | 0,19 – 0,35 | 0,56 – 0,71 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,11 – 7,20 | 0,20        | 0,73 – 1,00 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 7,06 – 7,10 | 0,18 – 0,20 | 0,31 – 1,16 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,46 – 7,49 | 0,27 – 0,29 | 0,37 – 0,38 |

| Ngày       | Tên Chi nhánh                      |         | Thông số    |             |             |
|------------|------------------------------------|---------|-------------|-------------|-------------|
|            |                                    |         | pH          | Độ đục      | Clo dư      |
| 20/08/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 6,83 – 7,00 | 0,18 – 0,20 | 0,65 – 1,32 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 6,87 – 6,94 | 0,25 – 0,27 | 0,46 – 0,48 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,20 – 7,31 | 0,20 – 0,36 | 0,57 – 0,71 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,12 – 7,20 | 0,20        | 0,64 – 0,75 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 7,04 – 7,27 | 0,17 – 0,32 | 0,45 – 0,83 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,47 – 7,49 | 0,26 – 0,29 | 0,38 – 0,40 |
| 21/08/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 6,83 – 6,93 | 0,18 – 0,19 | 0,47 – 0,51 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 6,93 – 7,07 | 0,25        | 0,52 – 0,71 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,23 – 7,43 | 0,19 – 0,37 | 0,45 – 0,78 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,07 – 7,21 | 0,20        | 0,79 – 0,98 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 7,15 – 7,29 | 0,20 – 0,45 | 0,64 – 0,79 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,47 – 7,50 | 0,27 – 0,29 | 0,35 – 0,39 |
| 22/08/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 6,81 – 6,85 | 0,20 – 0,21 | 0,52 – 0,55 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 6,94 – 6,98 | 0,22        | 0,62 – 0,68 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,18 – 7,36 | 0,22 – 0,35 | 0,55 – 0,64 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 6,87 – 7,18 | 0,20        | 0,67 – 0,99 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 7,17 – 7,34 | 0,27 – 0,63 | 0,67 – 0,95 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,46 – 7,48 | 0,25 – 0,27 | 0,35 – 0,38 |